

Bản án số: 441/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tàn Quốc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Lê Thị Kim Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 607/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà NTH, sinh năm 1955 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: TTT, Phường x, Quận 4, TP. HCM.

- Bị đơn: Ông NVH, sinh năm 1942 (vắng mặt)

Địa chỉ: TTT, Phường z, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà NTH trình bày: Tôi và ông H*** chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường z, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số XXX, quyền số 01/1999, do Ủy ban nhân dân Phường z, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/1999).

Chúng tôi sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Chúng tôi đã ly thân 10 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được, nên tôi yêu cầu ly hôn với ông H*** để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, chúng tôi không có con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Tôi và ông H*** không có tài sản chung, nợ chung không có.

Ông H*** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, thông báo phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có bản khai, ý kiến của ông NVH.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H*** đã vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Bà NTH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại văn bản xác minh về tình trạng hôn nhân ở địa phương như sau: Vợ chồng bà NTH và ông NVH đã sống ly thân nhiều năm. Mỗi người sống một nơi, không còn qua lại với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà NTH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà NTH khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình. Ông NVH đang cư trú tại Quận 4 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Ông H*** đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và bà H** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà NTH và ông NVH tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường z, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số XXX, quyển số 01/1999, do Ủy ban nhân dân Phường z, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/1999). Do đó, hôn nhân của bà H** và ông H*** là hợp pháp.

Bà H** và ông H*** sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Đã ly thân 10 năm nay, không còn qua lại với nhau. Bà H** đã từng nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 4 giải quyết ly hôn, nhưng sau đó đã rút lại yêu cầu.

Ông H*** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó thể hiện ông H*** không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa bà Hòa và ông H*** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...”. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà NTH được ly hôn với ông NVH.

Về con chung: Bà NTH xác định bà và ông NVH không có con chung. Ông H*** không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà NTH xác định không có, ông NVH không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà NTH là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà NTH được ly hôn với ông NVH (Giấy chứng nhận kết hôn số XXX, quyển số 01/1999, do Ủy ban nhân dân Phường z, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/1999).

- Về con chung: Bà NTH xác định bà và ông NVH không có con chung. Ông H*** không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà NTH xác định không có, ông NVH không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà NTH là người cao tuổi nên được miễn án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tần Quốc Bình